

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮKLĂK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST

Ngày: 17/01/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR – TỈNH ĐẮKLĂK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài Bão
2. Bà H Lum Niê

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Thư ký tòa án nhân dân huyện Cum'gar

- Đại diện VKSND huyện Cum'gar tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh mại thụ lý số: 03/2016/TLST-KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2017/QĐXX-KDTM ngày 14 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2017/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL

Địa chỉ: số 40- 42- 44 đường PHT, phường VTV, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn C, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP KL.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trần Hoài B - chức vụ: Quyền giám đốc Ngân hàng TMCP KL – Chi nhánh Đăklăk.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Hoài S (có mặt).

Địa chỉ: 37 DT, phường TA, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV AT

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 1, xã CS, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị L (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 1, xã CS, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2016, các bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/5/2013 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên AT (gọi tắt là Công ty AT) đã ký hợp đồng tín dụng số HĐ 2268/HĐTD vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL - Chi nhánh Đắk Lắk (gọi tắt là Ngân hàng KL) vay số tiền 150.000.000đ. Thời hạn vay 13 tháng, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất cho vay 1,4%/tháng, lãi suất cho vay điều chỉnh 06 tháng/lần và được tính bằng lãi tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãi cuối kỳ cộng biên độ 6,3%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay đang áp dụng tại thời điểm liền trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn, hình thức thanh toán gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng quý, Ngân hàng KL đã giải ngân số tiền trên vào ngày 22/5/2013.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty AT đã dùng tài sản bảo đảm là thửa đất số 525, tờ bản đồ số 10, diện tích 154m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 552503, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01749, thuộc quyền sử dụng của bà Đặng Thị L và tài sản gắn liền trên đất là nhà cấp 4, móng đá hộc, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền gạch có diện tích xây dựng 65m², nhà xây cuối năm 2010. Chi tiết tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 56005/2013HĐTC/ KLBĐL ngày 17/5/2013.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty AT mới trả được 30.000.000đ ngày 16/3/2014 và số tiền lãi trong hạn là 18.936.667đ và tiền phạt chậm trả lãi 654.963đ. Ngân hàng KL đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và tạo điều kiện để công ty AT trả nợ nhưng Công ty vẫn không thực hiện trả nợ đầy đủ theo hợp đồng, hiện Công ty không còn hoạt động, trụ sở Công ty không còn, từ năm 2015 đến nay Ngân hàng không liên lạc được với ông Nguyễn Đức H, không biết được ông H hiện nay đang ở đâu nên đã nộp tạm ứng lệ phí để Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt đối với ông H trên phương tiện thông tin đại chúng và đề nghị Tòa án nhân dân huyện CưM'gar giải quyết những vấn đề sau đối với Công ty AT:

1. Buộc Công ty AT thanh toán cho Ngân hàng KL toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 17/01/2018 là 220.411.833đ, trong đó: Nợ gốc là 120.000.000đ, lãi trong hạn 6.451.833đ, lãi quá hạn là **93.960.000đ**; Đối với tiền phạt chậm trả lãi là 8.450.937đ thì tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng xin rút yêu cầu này.

2. Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Công ty AT không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng KL có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là thửa đất số 525, tờ bản đồ số 10, diện tích 154m² thuộc quyền sử dụng của bà Đặng Thị L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 552503, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01749.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị L trình bày trong bản tự khai và biên bản hòa giải: Bà và ông Nguyễn Đức H có mối quan hệ là vợ chồng,

ông H là đại diện theo pháp luật của Công ty AT, tài sản Công ty AT thế chấp là tài sản riêng của bà L tự nguyện thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của công ty AT. Nay Ngân hàng KL khởi kiện yêu cầu Công ty AT trả nợ tiền gốc và lãi suất phát sinh thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì hiện nay bà L cũng không biết chồng là ông H đang ở đâu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về Tố tụng: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định theo Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Như thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, giao thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và đương sự đúng thời hạn, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không thực hiện đầy đủ, đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật mà không có lý do chính đáng.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Căn cứ Điều 317, Điều 319, Điều 323, Điều 385, Điều 398, 463, Điều 466, Điều 468, b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày kế tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM – GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ – CA ngày 17/10/2016 của Chánh án tòa án nhân dân tối cao, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, qua quá trình thu thập chứng cứ đã có đủ căn cứ để xác định công ty AT hiện không còn hoạt động; trụ sở Công ty không còn; ông Nguyễn Đức H không có mặt tại địa phương từ tháng 10/2015; không khai báo gì nên chính quyền địa phương không biết được ông H hiện nay đang ở đâu nên Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt trên phương tiện thông tin đại chúng theo khoản 4 Điều 173 Bộ luật tố tụng dân sự bằng thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông Nguyễn Đức H trên Đài tiếng nói Việt Nam ba lần liên tiếp vào các ngày 01, 02, 03/7/2017 và trên Báo công lý qua ba số báo

liên tiếp gồm: số 52 ngày 30/6/2017, số 53 ngày 05/7/2017 và 54 ngày 07/7/2017 nhưng không nhận được tin tức gì từ ông Nguyễn Đức H nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản phát sinh trong hoạt động kinh doanh và có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

[3] Về áp dụng pháp luật khi giải quyết vụ án: Tại thời điểm ký kết, hợp đồng thế chấp tài sản về cơ bản có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định tại các Điều 342, Điều 343, Điều 351, bộ luật dân sự năm 2005; Hợp đồng tín dụng có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định tại các Điều 388, Điều 401, Điều 402, Điều 405, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 và các hợp đồng này cũng phù hợp với các quy định tại các Điều 317, Điều 319, Điều 323, Điều 385, Điều 398, 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng. Nên theo điều khoản chuyển tiếp được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án sẽ áp dụng các điều luật của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án. Các hợp đồng nêu trên có hiệu lực pháp luật theo Điều 319, Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp: Về cơ bản có hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự. Hợp đồng đã được công chứng và tài sản thế chấp cũng được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên có hiệu lực pháp luật, khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm nhưng bên vay thực hiện không đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Tuy nhiên theo lời khai của bà L và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì trên thửa đất số 525, tờ bản đồ số 10 không có nhà cấp 4, móng đá học, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền gạch có diện tích xây dựng 65m², nhà xây cuối năm 2010 như nội dung hợp đồng thế chấp. Nội dung này được đại diện Ngân hàng thừa nhận là do thiếu sót, nhầm lẫn trong việc thẩm định, định giá tài sản thế chấp của Ngân hàng và đồng ý với ý kiến của bà L và nội dung biên bản xem xét thẩm định tại chỗ nên Ngân hàng chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 525, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 552503, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01749, 154m² thuộc quyền sử dụng của bà Đặng Thị L. Chi tiết tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 56005/2013HĐTC/KLBĐL ngày 17/5/2013 và bà L cũng thừa nhận chữ ký trong hợp đồng thế chấp là chữ ký của bà và bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp nên cần chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tòa án xét thấy trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty AT không thực hiện đúng nghĩa vụ trả

nợ tiền gốc và tiền lãi như nội dung thỏa thuận trong hợp đồng mà ngày 16/3/2014 mới trả được 30.000.000đ tiền gốc; ngày 22/8/2013 trả 18.936.667đ lãi trong hạn; tiền phạt chậm trả lãi là 654.963đ; mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc. Như vậy, Công ty AT đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng KL khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty AT phải trả nợ theo nội dung cam kết trong hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản là có cơ sở, phù hợp với các Điều 317, Điều 319, Điều 319, Điều 323, Điều 385, Điều 398, 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận. Công ty AT có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng KL các khoản tiền nợ gốc là 120.000.000đ, lãi suất trong hạn là 6.451.833đ, lãi suất quá hạn tính đến ngày 17/01/2018 là 93.960.000đ, Tổng cộng là 220.411.833đ. Đối với yêu cầu trả tiền phạt chậm trả lãi là 8.450.937đ, tại phiên tòa nguyên đơn đã rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ. Đối với tiền phạt chậm trả lãi đã trả là 654.963đ là không phù hợp với quy định của pháp luật vì tính lãi chồng lãi nên số tiền này được khấu trừ cho bị đơn trong số tiền bị đơn phải trả cho ngân hàng là nguyên đơn. Vậy tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày 17/01/2018 là $(220.411.833đ - 654.963đ) = 219.756.870đ$.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử là ngày 18/01/2018 Công ty AT còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng KL thì lãi suất Công ty AT phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng KL theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng KL là phù hợp với án lệ số 08/2016/A1 về việc xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM - GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ- CA ngày 17/10/2016 của Chánh án tòa án nhân dân tối cao.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty AT đối với Ngân hàng KL, nếu số tiền thu được còn thừa Ngân hàng KL sẽ trả lại cho bên thế chấp là bà Đặng Thị L. Trường hợp tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng KL thì Công ty AT phải trả tiếp phần còn thiếu.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc Công ty AT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 11.020.591đ Ngân hàng KL được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên AT phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Ngân hàng thương mại cổ phần KL phải chịu 2.860.000đ phí thông báo. Ngân hàng thương mại cổ phần KL đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317, Điều 319, Điều 323, Điều 385, Điều 398, 463, Điều 466, Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày kế tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM – GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ – CA ngày 17/10/2016 của Chánh án tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên AT phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL tổng số tiền tính đến ngày 17/01/2018 là **219.756.870đ** (Hai trăm mười chín triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi đồng). Trong đó tiền gốc là 120.000.000đ; tiền lãi suất trong hạn là 6.451.833đ; tiền lãi suất quá hạn là 93.305.037đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (18/01/2018) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên AT còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần KL thì lãi suất của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên AT phải thanh toán cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần KL.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên AT không trả được khoản tiền trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần KL có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm: Đất ở và đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 552503, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H01749, thửa đất số 525, tờ bản đồ số 10, diện tích 154m² tại Tổ

dân phố 3, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk và các tài sản khác gắn liền trên đất của bà Đặng Thị L.

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty AT đối với Ngân hàng KL, nếu số tiền thu được còn thừa Ngân hàng KL sẽ trả lại cho bên thế chấp là bà Đặng Thị L. Trường hợp tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng KL thì Công ty AT phải trả tiếp phần còn thiếu.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng thương mại cổ phần KL được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.557.000đ theo biên lai số AA/2014/0039932 ngày 07/10/2016 do Mai Thị Kim P nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM'gar.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên AT phải chịu 10.988.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên AT phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL 1.500.000đ.

- Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:

Ngân hàng thương mại cổ phần KL phải chịu 2.860.000đ phí thông báo. Ngân hàng thương mại cổ phần KL đã nộp đủ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Hiền